

Bản án số: 79/2025/DS-PT

Ngày 14-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng ủy quyền, hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh
Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 698/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Viết K, sinh năm 1983, có mặt;

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1984, có mặt;

Cùng địa chỉ: số B đường H, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Phi V, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Lê Quốc B, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Văn phòng C (nay là Văn phòng C1); địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Thanh Đ, chức vụ: Trưởng Văn phòng, là người đại diện theo pháp luật, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Văn phòng C1; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Thanh Đ - Chức vụ: Trưởng Văn phòng, là người đại diện theo pháp luật, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân huyện D; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phương L - Chức vụ: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc D – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Viết K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Ông T và ông K có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Do ông K, bà M cần vốn làm ăn nên ngày 29/9/2023, ông T cho ông K, bà M vay số tiền 5.500.000.000 đồng. Hai bên đến Văn phòng C1 lập hợp đồng vay tiền có chữ ký xác nhận nợ của người vay. Ông K hứa trong vòng 45 ngày là ngày 14/11/2023 sẽ hoàn trả hết số tiền cho ông T. Lãi suất 1,5%/tháng và bên bị đơn chưa trả lãi đồng nào từ ngày

vay đến nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay là 5.500.000.000 đồng.

Ông K, bà M cho rằng giấy vay tiền với số tiền 5.500.000.000 đồng bản chất xuất phát từ tiền của ông Lê Quốc B là trình bày không đúng sự thật. Số tiền trên là của ông T tích góp qua làm ăn để cho ông K vay nên không liên quan gì đến ông B.

Về phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương đứng tên ông Nguyễn Viết K theo ấy "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09972 ngày 21/9/2021 được ông K, bà M chuyển nhượng cho ông B thông qua ợp" hợp đồng ủy quyền ngày 24/9/2021 được công chứng tại Văn phòng C. Sau đó, ông T nhận chuyển nhượng lại của ông B theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 15/5/2023 tại Văn phòng C1. Ngày 07/02/2024, tại Văn phòng C1, ông T chuyển nhượng lại cho ông Lưu Phi V đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương theo ấy "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN14063 ngày 28/02/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cấp cho ông Lưu Phi V.

Việc ông T mua bán đất với ông B, ông V hoàn toàn hợp pháp nên đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông T không đồng ý. Quá trình tố tụng, ông K, bà M rút toàn bộ yêu cầu phản tố thì ông T không có ý kiến.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 27/12/2023; bản tự khai ngày 27/12/2023; giấy gia hạn trả tiền; bản sao hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm; biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024; hợp đồng đặt cọc mua bán đất ngày 01/9/2023.

Theo đơn phản tố ngày 16/8/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Viết K trình bày:

Ông K và ông Lê Quốc B có mối quan hệ ạn" bạn làm ăn lâu năm. Ngày 24/9/2021, ông K có vay của ông Lê Quốc B 2.000.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ mà ông B yêu cầu ông K, bà M phải ký hợp đồng ủy quyền toàn phần đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương đứng tên ông Nguyễn Viết K theo ấy "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09972 ngày 21/9/2021. Hợp đồng ủy quyền được lập tại Văn phòng C nhưng bản chất là che giấu hợp đồng vay tài sản. Ông K có đóng lãi cho ông B nhiều lần, nhưng sau đó không đủ tiền đóng lãi nên ông B yêu cầu ký giấy vay theo hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm ngày 29/9/2023 tại Văn phòng C1 đối nguyên đơn ông Phan Thanh T với số tiền vay cộng lãi là 5.500.000.000 đồng, trong đó gốc ban đầu là 2.000.000.00 đồng và lãi là 2.500.000.000 đồng. Chữ ký

K và chữ viết họ tên Nguyễn Văn K1, chữ ký M và họ tên Lê Thị M trong hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm ngày 29/9/2023 là của ông K1 và bà M.

Khi ký giấy vay ngày 29/9/2023 thì người đứng tên cho vay là nguyên đơn ông T nhưng thực chất tiền là của ông B. Do ông B biết rằng nếu đứng tên là người cho vay thì sau này xảy ra tranh chấp, Tòa án sẽ hủy giấy ủy quyền giữa ông B và vợ chồng ông K1 nên ông B mới để ông T đứng tên người cho vay.

Sau nhiều lần ông K1 liên hệ với ông B để trả tiền, chuộc lại áy"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì biết ông B đã chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương cho ông Phan Thanh T theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc B và ông Phan Thanh T được công chứng ngày 15/5/2023 tại Văn phòng C1 mà không có sự đồng ý của vợ chồng ông K1. Một thời gian sau, ông T lại chuyển nhượng cho ông Lưu Phi V theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/02/2024. Việc làm của ông B, ông T đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của của ông K1, bà M nên vợ chồng bà M phản tố với yêu cầu như sau:

- Yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Lê Thị M, ông Nguyễn Viết K và ông Lê Quốc B ngày 24/9/2021 được công chứng tại Văn phòng C đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương đứng tên ông Nguyễn Viết K.

- Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc B và ông Phan Thanh T được công chứng ngày 15/5/2023 tại Văn phòng C1 đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương.

- Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/02/2024 tại Văn phòng C1 giữa ông Phan Thanh T và ông Lưu Phi V đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương.

- Yêu cầu hủy áy"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN14063 ngày 28/02/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cấp cho ông Lưu Phi V.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Đơn chấm dứt ủy quyền ngày 28/5/2024; hợp đồng ủy quyền ngày 24/9/2021 giữa bị đơn và ông B; Đơn phản tố ngày 16/8/2024; tập tài liệu in từ Zalo thể hiện tin nhắn giữa ông K, ông B; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.

Theo đơn phản tố ngày 16/8/2024, quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị M trình bày: Thống nhất với ý kiến ông K.

Người quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc B trình bày:

Ông B có nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương theo giấy ủy quyền ngày 24/9/2021 tại Văn phòng C. Giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng. Hai bên ký giấy ủy quyền mà không ký hợp đồng chuyển nhượng là để giảm thuế. Đối với số tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn thì ông B không biết, không liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Phi V trình bày: Ông V có nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/02/2024 tại Văn phòng Công chứng Thanh Điền giữa ông Phan Thanh T và ông Lưu Phi V. Việc mua bán là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Đối với quan hệ vay tiền giữa ông K, ông B, ông T thì ông V không rõ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc B và ông Phan Thanh T được công chứng ngày 15/5/2023 tại Văn phòng C1 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/02/2024 tại Văn phòng C1 giữa ông Phan Thanh T và ông Lưu Phi V đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương được chứng nhận theo đúng trình tự thủ tục công chứng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hợp đồng ủy quyền giữa bà Lê Thị M, ông Nguyễn Viết K và ông Lê Quốc B ngày 24/9/2021 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh N đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương đứng tên ông Nguyễn Viết K. Hợp đồng ủy quyền được chứng nhận theo đúng trình tự thủ tục công chứng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN14063 ngày 28/02/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cấp cho ông Lưu Phi V là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện D trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Phan Thanh T đối với bà Nguyễn Thị M1 và ông Nguyễn Viết K.

Buộc bà Nguyễn Thị M1 và ông Nguyễn Viết K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Phan Thanh T số tiền 5.500.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Lê Thị M, ông Nguyễn Việt K và ông Lê Quốc B ngày 24/9/2021 được công chứng tại Văn phòng C đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương.

3. Đình chỉ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc B và ông Phan Thanh T được công chứng ngày 15/5/2023 tại Văn phòng C1 đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương.

4. Đình chỉ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/02/2024 tại Văn phòng C1 giữa ông Phan Thanh T và ông Lưu Phi V đối với phần đất thuộc thửa 03 tờ bản đồ 33 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, Bình Dương.

5. Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN14063 ngày 28/02/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cấp cho ông Lưu Phi V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2024 bị đơn ông Nguyễn Việt K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Việt K vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Ông K đề nghị giám định tuổi mực đối với chứng cứ tại tờ giấy có nội dung “Hủy hợp đồng đặt cọc bán đất” ngày 01/9/2023, ông K cho rằng ông K không có thỏa thuận trên, quá trình vay mượn, ông K và bà M có ký không vào 02 tờ giấy do ông B đưa, nên chứng cứ trên có thể là một trong hai tờ giấy mà ông K và bà M ký không.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ thì có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền ngày 29/9/2023 là giả tạo, che dấu cho một giao dịch khác nên đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Viết K, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Phi V, Văn phòng C1, Ủy ban nhân dân huyện D và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Viết K và bà Lê Thị M có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét, việc rút yêu cầu phản tố của ông K và bà M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu phản tố mà bị đơn đã rút là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K yêu cầu giám định tuổi mực đối với chứng cứ tại tờ giấy có nội dung “*Hủy hợp đồng đặt cọc mua bán đất*” ngày 01/9/2023, ông K cho rằng ông K không có thỏa thuận trên, quá trình vay mượn, ông K và bà M có ký khống vào 02 tờ giấy do ông B đưa, nên chứng cứ trên có thể là một trong hai tờ giấy mà ông K và bà M ký khống. Xét, quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm ông K không có yêu cầu giám định và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, ông K không có đơn yêu cầu giám định, đồng thời qua xem xét, chứng cứ trên được viết vào ngày 01/9/2023 trước thời điểm ông K và bà M ký hợp đồng vay tiền ngày 29/9/2023 với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu giám định tuổi mực của ông K.

[4] Bị đơn ông Nguyễn Viết K và bà Lê Thị M thừa nhận có ký vào hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm ngày 29/9/2023, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bị đơn cho rằng việc ký hợp đồng vay tiền trên là giả tạo, che giấu cho việc vay mượn tiền của bị đơn với ông B, bị đơn vay tiền của ông B, ông B yêu cầu ký hợp đồng với ông T nên không có việc ông T cho vợ chồng ông K, bà M mượn số tiền 5.500.000.000 đồng vì không có việc giao nhận tiền. Bị đơn có chứng cứ là có giấy xác nhận của ông T với nội dung không có việc vay tiền giữa ông T và ông K, bà M nhưng giấy tờ trên đã thất lạc. Ngoài ra, chứng cứ là tờ giấy “*hủy hợp đồng đặt cọc mua bán đất*” ngày 01/9/2023 do ông T cung cấp là 01 trong hai tờ giấy trắng mà bị đơn đã ký khống theo yêu cầu của ông B.

[6] Xét, bị đơn cho rằng hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm ngày 29/9/2023 là che dấu cho quan hệ vay tiền giữa bị đơn và ông B. Tuy nhiên, ông B không thừa nhận và đến tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh hợp đồng trên là giả tạo che giấu cho giao dịch vay. Đồng thời, theo chứng cứ có tại hồ sơ, việc ủy quyền của ông K, bà M cho ông B là vào ngày 24/9/2021 là trước thời gian ông T cho ông K, bà M vay tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ là giấy xác nhận của ông T với nội dung không có việc vay tiền giữa ông T và ông K, bà M theo hợp đồng ngày 29/9/2023. Đối với chứng cứ là “hợp đồng đặt cọc mua bán đất” ngày 01/9/2023, bị đơn không chứng minh được chứng cứ trên có việc ký khống và cũng không cung cấp được chứng cứ liên quan đến hợp đồng vay ngày 29/9/2023.

[7] Theo hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm ngày 29/9/2023 thể hiện, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 5.500.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 45 ngày kể từ thời điểm hợp đồng được công chứng viên chứng thực, lãi suất 1,5% và được thanh toán cùng nợ gốc. Bị đơn cho rằng không có việc giao nhận tiền, tuy nhiên theo chứng cứ nguyên đơn xuất trình là “*Giấy gia hạn ngày trả tiền*” có nội dung: “...*tổng số tiền mượn của ông T là 5.500.000.000^d (năm tỷ năm trăm triệu đồng). Hạn đến ngày 25/12/2023 sẽ trả bớt 2.000.000.000^d (hai tỷ đồng). Số tiền còn lại sẽ làm giấy trả nợ tiếp theo. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng thời gian đề ra. Nếu sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm*”, ông K, bà M ký ghi họ tên dưới mục người mượn tiền. Như vậy, bị đơn cho rằng không có việc vay và giao nhận tiền nhưng chính bị đơn lại viết giấy gia hạn có nội dung xác nhận số tiền mượn 5.500.000.000 đồng và hạn trả bớt. Căn cứ vào hợp đồng vay ngày 29/9/2023 và giấy gia hạn có căn cứ xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Đối với số tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[9] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Viết K là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là không phù hợp.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Viết K phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Việt K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Việt K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000608 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết